TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIA LỘC, TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 18-9-2020
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIA LỘC, TỈNH HẢI DƯƠNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Vương Đình Thi.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Phương Minh và bà Lê Thị Thanh Hương.

- Thư ký phiên toà: Ông Phạm Văn Hùng- Thư ký Toà án nhân dân huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thanh- Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 84/2020/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2020 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Hồng H, sinh năm 1992. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Đ, xã T, huyện G, tỉnh Hải Dương; hiện trú tại: Thôn Đ1, xã T, huyện G, tỉnh Hải Dương. (có mặt)

2. Bị đơn: Anh Vũ Văn C, sinh năm 1990. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Đ, xã T, huyện G, tỉnh Hải Dương; hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội. (vắng mặt)

3. Người làm chứng:

+ Ông Vũ Văn Q, sinh năm: 1965; địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện G, tỉnh Hải Dương. (vắng mặt)

+ Bà Lê Thị N, sinh năm: 1969; địa chỉ: Thôn Đ1, xã T, huyện G, tỉnh Hải Dương. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, nguyên đơn là chị Phạm Thị Hồng H trình bày: Chị và anh Vũ Văn C kết hôn trên cơ sở tự nguyện được Uỷ ban nhân dân (UBND) xã T, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương tổ chức đăng ký và cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 21/01/2016. Sau khi

kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau tại gia đình anh C ở thôn Đ, xã T, huyện Gia Lộc; vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, tính cách không hợp nhau, anh C chơi bời không chăm lo cho gia đình vợ con. Đến tháng 5 năm 2020, chị đã đưa các con của anh chị về ở nhà bố mẹ đẻ của chị tại thôn Đ1, xã T, huyện Gia Lộc sống cho đến nay. Vợ chồng ly thân nhau từ đó đến nay, hiện mỗi người sống một nơi, không gặp gỡ, quan tâm đến nhau. Chị xác định tình cảm vợ chồng đã hết, hôn nhân không còn hạnh phúc nên chị đề nghị được ly hôn anh C.

Về con chung: Chị và anh C có hai con là Vũ Thị Huyền Tr, sinh ngày 19/5/2016 và Vũ Hà A, sinh ngày 07/01/2019. Hiện cả hai con đang ở cùng với chị tại nhà của bố mẹ đẻ của chị. Chị xác định việc chăm sóc, nuôi dưỡng các con chủ yếu do chị và sự hỗ trợ giúp đỡ từ bố mẹ đẻ của chị, còn anh C và gia đình anh không quan tâm gì. Hiện chị đang làm công nhân có mức thu nhập ổn định bình quân khoảng hơn 7.200.000 đồng/tháng và có sự hỗ trợ từ bố mẹ đẻ của chị nên các con của anh chị có đầy đủ điều kiện về vật chất và tinh thần, được ăn học đầy đủ, khỏe mạnh, phát triển bình thường; còn anh C đang bị tạm giam do có hành vi vi phạm pháp luật nên không có điều kiện để nuôi con. Do đó chị đề nghị được tiếp tục nuôi cả hai con và không yêu cầu anh C phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, quá trình giải quyết, bị đơn là anh Vũ Văn C trình bày: Về quá trình kết hôn, thời gian chung sống đúng như chị H trình bày. Anh xác định vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn, mâu thuẫn chủ yếu phát sinh từ vấn đề kinh tế. Anh xác định vẫn còn tình cảm với chị H nên anh không nhất trí ly hôn. Về con chung: Anh xác định vợ chồng có hai con như chị H trình bày. Anh xác định hiện anh đang bị tạm giam nên không có điều kiện chăm sóc con nên anh nhất trí để cho chị H được tiếp tục nuôi dưỡng cả hai con và nhất trí với việc chị H không yêu cầu anh phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Toà án giải quyết.

Xác minh tại chính quyền địa phương xã T, huyện Gia Lộc cung cấp: Anh C và chị H có đăng ký kết hôn tại UBND xã T vào ngày 21/01/2016. Sau khi kết hôn, anh chị sinh sống cùng nhà với bố mẹ anh C tại thôn Đ, xã T, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương. Trong quá trình chung sống, giữa anh chị đã xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân là do anh C chơi bời không chăm lo đến gia đình, vợ con, kinh tế gia đình chủ yếu do chị H gánh vác; hiện chị H đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại thôn Đ1, xã T sống từ vài tháng nay. Tháng 6/2020, anh C có hành vi mua bán trái phép chất ma túy bị Công an huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội bắt giữ và đang bị tạm giam nên đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung: Anh chị có hai con như đã nêu trên. Hiện cả hai cháu đang sống cùng với chị H và ông bà ngoại, được ông bà ngoại chăm sóc các cháu vẫn phát triển bình thường. Địa phương đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại lời khai của bà Lê Thị N là mẹ đẻ của chị H trình bày: Quá trình anh C chị H chung sống với nhau bà nghe chị H kể lại là anh C chơi bời, không chịu làm ăn, không chăm lo cho gia đình vợ con; tháng 6 năm 2020, anh C đã bị bắt về hành vi mua bán trái phép chất ma túy. Từ tháng 4 năm 2020, chị H đã đưa các con về nhà bà sống cho đến nay. Nay chị H xin ly hôn anh C bà đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật. Bà xác định anh chị có hai con như trên, hiện cả hai cháu đang ở cùng với chị H và vợ chồng bà. Từ khi các cháu sinh ra chủ yếu sống cùng với vợ chồng bà, do vợ chồng bà chăm sóc, gia đình bà tạo điều kiện về chỗ ở, đưa đón cháu Tr đi học và chăm sóc cháu Hà A khi chị H đi làm. Nếu anh chị ly hôn, chị H được tiếp tục nuôi dưỡng hai cháu thì vợ chồng bà sẽ giúp đỡ chị H trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu.

Tại lời khai của ông Vũ Văn Q là bố đẻ của anh C trình bày: Anh C và chị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Gia Lộc, được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán tại địa phương. Sau khi kết hôn, anh chị sống cùng với gia đình ông. Quá trình vợ chồng anh chị chung sống tại gia đình ông, do ông bà bận công việc, chị H cũng đi làm từ sáng đến tối mới về nên ông không nắm được vợ chồng anh chị mâu thuẫn thế nào. Cuối tháng 5 năm 2020, chị H đưa các con về nhà bố mẹ đẻ ở từ đó đến nay. Anh chị có hai con như trên, hiện các cháu đều ở cùng với chị H. Hai cháu đều được chăm sóc tốt, phát triển bình thường. Nếu anh chị ly hôn, việc nuôi con chung là do anh chị tự quyết định, ông không có ý kiến gì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lộc tham gia phiên toà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, đúng thời hạn tố tụng, trong quá trình giải quyết và xét xử tại phiên tòa đã tuân theo đúng trình tự tố tụng. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Phạm Thị Hồng H cho chị H được ly hôn anh Vũ Văn C. Về con chung: Giao hai con là Vũ Thị Huyền Tr, sinh ngày 19/5/2016 và Vũ Hà A, sinh ngày 07/01/2019 cho chị H nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con. Về án phí: Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm dân sự ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng: Chị Phạm Thị Hồng H khởi kiện ly hôn với bị đơn anh Vũ Văn C, cư trú tại thôn Đ, xã T, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương, Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản

1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và phù hợp với khoản 1 Điều 51 của Luật Hôn nhân và gia đình. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập cho bị đơn là anh Vũ Văn C. Tại phiên tòa, bị đơn anh C vắng mặt nhưng anh đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, những người làm chứng đều vắng mặt nhưng đã có lời khai trực tiếp với Toà án nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn và những người làm chứng là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 2 Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh C có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương vào ngày 21/01/2016 trên cơ sở được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn nên quan hệ hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp. Quá trình chung sống tính cách không hợp nhau, anh C chơi bời không quan tâm đến gia đình vợ con, kinh tế gia đình chủ yếu do một mình chị H phải gánh vác. Đến tháng 5 năm 2020, chị đã phải đưa hai con về sống cùng với bố mẹ đẻ của chị. Vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay, hiện mỗi người sống một nơi không gặp gỡ, quan tâm đến nhau. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng đã hết, hôn nhân không còn hạnh phúc nên xin ly hôn anh C. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã triệu tập anh C đến để làm việc nhưng anh vắng mặt; ngày 19/6/2020, anh C có hành vi mua bán trái phép chất ma túy và bị bắt tạm giam; anh xác định vẫn còn tình cảm với chị H nên không nhất trí ly hôn. Cho thấy anh C có thái độ coi thường pháp luật, không chăm lo đến việc hàn gắn hạnh phúc gia đình; vợ chồng không có sự quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình làm cho hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung giữa hai người đã chấm dứt, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu của chị H, cho chị được ly hôn anh C là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị H và anh C có hai con là Vũ Thị Huyền Tr, sinh ngày 19/5/2016 và Vũ Hà A, sinh ngày 07/01/2019. Từ tháng 5 năm 2020 khi chị H về nhà bố mẹ đẻ ở cho đến nay, cả hai con của anh chị đều sống cùng với chị và được bố mẹ đẻ của chị giúp đỡ trong việc chăm sóc, đưa đón các con của anh chị đi học, các cháu vẫn phát triển bình thường. Chị đề nghị được tiếp tục nuôi dưỡng cả hai con và không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con. Anh C xác định hiện anh đang bị tạm giam vì hành vi vi phạm pháp luật, không có điều kiện để chăm sóc con nên anh nhất trí để chị H nuôi dưỡng cả hai con và nhất trí việc chị H không yêu cầu anh cấp dưỡng nuôi con. Do đó cần chấp nhận sự thỏa thuận này của anh chị và giao cả hai con cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại các điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung: Các đương sự không đề nghị giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Phạm Thị Hồng H là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các điều 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 2 Điều 229, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự; Luật phí và lệ phí; khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Phạm Thị Hồng H ly hôn anh Vũ Văn C.

2. Về nuôi con: Chấp nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

Giao hai con là Vũ Thị Huyền Tr, sinh ngày 19/5/2016 và Vũ Hà A, sinh ngày 07/01/2019 cho chị Phạm Thị Hồng H trực tiếp nuôi cho đến khi con đủ 18 tuổi. Chị H tự nguyện không yêu cầu anh Vũ Văn C phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Vũ Văn C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Phạm Thị Hồng H phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được đối trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng chị đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0008753 ngày 13/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lộc;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gia Lộc;
- UBND xã T, huyện Gia Lộc
để ghi vào Sổ hộ tịch;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Vương Đình Thi